

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ
PHỤ
TÙNG CƠ
ĐIỆN

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN THIẾT BỊ
PHỤ TÙNG CƠ
ĐIỆN

Date:
2025.05.15
18:28:36
+07'00'

Tháng 5 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn An	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là Ông Nguyễn Ngọc Nam - Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 219/2024/UQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và sai phạm khác.

Số: 206 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 5 năm 2025, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đối với các khoản nợ phải thu ngắn hạn khó đòi với số dư khoảng 33,5 tỷ VND. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng lên 29,7 tỷ VND, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên khoảng 1,7 tỷ VND và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước sẽ giảm đi 28 tỷ VND, khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay và Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay sẽ giảm đi 1,7 tỷ VND.

Tại Thuyết minh số 35 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính về Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sẽ thực hiện phương án nhận chuyển nhượng cổ phần và đối trừ nợ phải thu với bên liên quan để nắm giữ 5.100.000 cổ phần (tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê); việc thực hiện /hay không phương án nhận chuyển nhượng phụ thuộc vào kết quả Tờ trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nếu phương án mua được thông qua và nhận chuyển nhượng thành công thì khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính, chi phí tài chính sẽ tăng lên và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi giá trị khoảng 7,65 tỷ VND; Nếu không thực hiện được phương án đầu tư, các khoản nợ phải thu sẽ phải đánh giá khả năng thu hồi để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết nào khác để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng (nếu có) phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trên diện tích đất Nông trường tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.295.922.898	101.976.368.522
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.702.183.398	6.563.538.291
1. Tiền	111		4.702.183.398	6.563.538.291
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	13.500.420.000	5.000.420.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		420.000	420.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.500.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.615.445.933	89.421.972.223
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	97.470.011.359	100.041.061.301
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.208.139.915	1.128.975.615
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.271.886.164	586.526.812
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.334.591.505)	(12.334.591.505)
IV. Hàng tồn kho	140		379.903.005	873.347.444
1. Hàng tồn kho	141	10	379.903.005	873.347.444
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.970.562	117.090.564
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	23.708.967
2. Thuế và các khoản các phải thu Nhà nước	153	16	97.970.562	93.381.597
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.851.743.200	10.095.803.354
I. Tài sản cố định	220		4.361.909.764	5.698.986.834
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.361.909.764	5.698.986.834
- Nguyên giá	222		25.031.469.099	25.031.469.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.669.559.335)	(19.332.482.265)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	1.818.984.788	2.646.874.588
- Nguyên giá	231		29.633.571.182	29.633.571.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.814.586.394)	(26.986.696.594)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.169.331.894	631.377.545
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.169.331.894	631.377.545
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	2.209.227.853	760.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(250.772.147)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		460.000.000	760.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		292.288.901	358.564.387
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	292.288.901	358.564.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		116.147.666.098	112.072.171.876

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.357.912.112	12.934.294.205
I. Nợ ngắn hạn	310		11.176.176.412	10.932.470.505
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.193.849.109	2.238.070.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	59.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.452.165.393	2.268.548.465
4. Phải trả người lao động	314		2.540.260.000	1.386.935.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	34.810.360
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	947.151.763	964.817.848
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	609.800.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.042.750.147	3.429.428.761
II. Nợ dài hạn	330		181.735.700	2.001.823.700
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	181.735.700	172.423.700
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	1.829.400.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.789.753.986	99.137.877.671
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	104.789.753.986	99.137.877.671
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.195.925.326	18.958.689.940
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.593.828.660	50.179.187.731
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.178.081.918	38.358.833.875
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.415.746.742	11.820.353.856
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		116.147.666.098	112.072.171.876



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	52.235.845.794	57.630.977.310
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		52.235.845.794	57.630.977.310
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	25.461.858.976	31.542.290.700
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.773.986.818	26.088.686.610
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	429.737.544	193.433.143
6. Chi phí tài chính	22	24	263.302.284	364.949.609
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.530.137	364.949.609
7. Chi phí bán hàng	25	25	278.481.480	305.080.160
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.978.711.949	10.522.895.456
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.683.228.649	15.089.194.528
10. Thu nhập khác	31	27	665.374.724	1.308.320.381
11. Chi phí khác	32	28	213.577.556	718.267.460
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		451.797.168	590.052.921
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.135.025.817	15.679.247.449
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.119.279.075	3.306.893.593
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.015.746.742	12.372.353.856
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.804	3.496



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.135.025.817	15.679.247.449
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.164.966.870	2.232.264.352
- Các khoản dự phòng	03	250.772.147	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(429.737.544)	(193.433.143)
- Chi phí lãi vay	06	12.530.137	364.949.609
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.133.557.427	18.083.028.267
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.067.727.634	(2.237.111.748)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	493.444.439	(200.861.825)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	460.805.613	(2.551.688.243)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	66.275.486	119.289.495
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.530.137)	359.102.212
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.969.401.258)	(3.245.297.209)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(623.914.000)	(1.112.543.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.615.965.204	9.213.917.116
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(666.960.349)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.500.000.000)	(17.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.300.000.000	12.500.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	316.662.202	166.890.595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.550.298.147)	(4.833.109.405)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.439.200.000)	(1.663.200.006)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.487.821.950)	(4.499.038.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.927.021.950)	(6.162.238.131)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.861.354.893)	(1.781.430.420)
Tiền đầu năm	60	6.563.538.291	8.344.968.711
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.702.183.398	6.563.538.291



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103584 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 6 năm 2023. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30 người).

Hoạt động chính

- Kinh doanh phụ tùng vật tư, vật liệu.
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện tại Đák Lắc	Số 15 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đák Lắc
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Xí nghiệp Cơ khí và Dịch vụ	115A, Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Trung tâm dịch vụ cơ điện	Km 12, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Xí nghiệp Cao su Cơ điện tại Hà Tây	Thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện tại Hải Phòng	Số 456 Lê Thánh Tông, phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành Phố Hải Phòng

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Chứng khoán kinh doanh, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu ích ước tính (Số năm)
Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	10

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại cơ khí nông nghiệp, vật tư xây dựng và cho thuê mặt bằng, nhà kho, kiot,.... Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan

<u>Các bên Liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	Công ty do Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty do Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Công ty liên kết của MCG
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Ban lãnh đạo, Chủ sở hữu

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	251.507.578	124.138.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.450.675.820	6.439.399.440
Cộng	4.702.183.398	6.563.538.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là 50 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, mã chứng khoán HJS. Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 là 1.750.000 VND (tại ngày 31/12/2023 là 2.225.000 VND).

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b1) Ngắn hạn	13.500.000.000	13.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	13.500.000.000	13.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (i)	13.500.000.000	13.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
b2) Dài hạn	460.000.000	460.000.000	760.000.000	760.000.000
- Trái phiếu (ii)	460.000.000	460.000.000	760.000.000	760.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	460.000.000	460.000.000	760.000.000	760.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 5% đến 5,3%/năm.
- (ii) Trái phiếu của tổ chức phát hành là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm 4.600 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 30/7/2020, mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,58%/năm. Trái tức được thanh toán vào ngày 30/7 hàng năm, trái phiếu không có tài sản đảm bảo.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	2.000.000.000	(250.772.147)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần TREs Miền Trung	2.000.000.000	(250.772.147)	(*)	-	-	-
Cộng	2.000.000.000	(250.772.147)				

Công ty Cổ phần TREs Miền Trung được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3002272974 ngày 12/12/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh với vốn điều lệ 50.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện đăng ký góp 7.500.000.000 VND (chiếm 15% vốn điều lệ, tương ứng tỷ lệ biểu quyết 15%). Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã góp 2.000.000.000 VND (tương đương 4% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải góp vào Công ty Cổ phần TREs Miền Trung là 5.500.000.000 VND.

Công ty Cổ phần TREs Miền Trung có địa chỉ đăng ký tại tổ 1, thị trấn Quang Vũ, huyện Quang Vũ, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần TREs Miền Trung là: Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Trong năm 2024, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường với hoạt động chính là trồng rừng và chăm sóc rừng. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 1.671.814.313 VND.

Ghi chú:

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	17.568.989.101	17.540.039.043
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	7.248.765.066	7.248.765.066
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng HTH	3.147.191.148	3.147.191.148
Đối tượng khác	7.173.032.887	7.144.082.829
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	79.901.022.258	82.501.022.258
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	25.120.898.082	24.462.841.958
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	11.643.116.750	13.301.172.874
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	16.104.933.820	16.104.933.820
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	10.608.805.677	11.908.805.677
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	10.797.817.840	11.097.817.840
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	5.625.450.089	5.625.450.089
Cộng	97.470.011.359	100.041.061.301

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.208.139.915	1.128.975.615
Công ty Cổ phần IMEC Toàn Cầu	384.664.900	384.664.900
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Không Gian Việt	304.800.000	304.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hà Thành	200.000.000	200.000.000
Ningbo ETDZ Holding Ltd	149.106.142	149.106.142
Đối tượng khác	169.568.873	90.404.573
Cộng	1.208.139.915	1.128.975.615

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	1.114.300.000	-	540.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	113.075.342	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	44.010.822	-	46.026.812	-
Cộng	1.271.886.164	-	586.526.812	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	7.248.765.066	-	7.248.765.066	-
Công ty Cổ phần Gia phú	1.259.195.000	-	1.259.195.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đạt Đức Ngun	1.087.375.000	-	1.087.375.000	-
Công ty TNHH MTV Hà Anh Hưng	771.960.000	-	771.960.000	-
Công ty TNHH MTV Vật tư và Thiết bị nông nghiệp Sông Tiền	672.588.000	-	672.588.000	-
Công ty TNHH Chang Won Vina	605.732.930	-	605.732.930	-
Phòng KD 2 - Ông Bùi Xuân Hiền	300.111.600	-	300.111.600	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Hà Thành	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH Quang Khoa Đông Anh	167.106.574	-	167.106.574	-
Công ty Cổ phần Y tế Cuộc sống mới	21.757.335	-	21.757.335	-
Cộng	12.334.591.505	-	12.334.591.505	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	379.903.005	-	873.347.444	-
Cộng	379.903.005	-	873.347.444	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN
Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	12.325.303.238	7.499.978.627	5.170.687.234	35.500.000	25.031.469.099
Số cuối năm	12.325.303.238	7.499.978.627	5.170.687.234	35.500.000	25.031.469.099
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	11.439.317.361	3.244.675.465	4.612.989.439	35.500.000	19.332.482.265
Khấu hao trong năm	238.823.000	653.626.250	444.627.820	-	1.337.077.070
Số cuối năm	11.678.140.361	3.898.301.715	5.057.617.259	35.500.000	20.669.559.335
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	885.985.877	4.255.303.162	557.697.795	-	5.698.986.834
Số cuối năm	647.162.877	3.601.676.912	113.069.975	-	4.361.909.764

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 12.722.434.560 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12.290.183.941 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	29.633.571.182	29.633.571.182
Số dư cuối năm	29.633.571.182	29.633.571.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số đầu năm	26.986.696.594	26.986.696.594
Khấu hao trong năm	827.889.800	827.889.800
Số dư cuối năm	27.814.586.394	27.814.586.394
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	2.646.874.588	2.646.874.588
Số dư cuối năm	1.818.984.788	1.818.984.788

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không thu thập được thông tin tài sản so sánh phù hợp, vì vậy, chưa xác định được giá trị hợp lý này và vì vậy chưa trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hiện tại, Công ty vẫn đang tìm kiếm công ty tư vấn độc lập phù hợp để đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.582.236.470 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 27.123.261.182 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án tòa nhà văn phòng Công ty	657.954.349	120.000.000
Khu chức năng hỗn hợp Emesco Complex	511.377.545	511.377.545
Cộng	1.169.331.894	631.377.545

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	116.519.602	143.240.673
Chi phí trả trước dài hạn khác	175.769.299	215.323.714
Cộng	292.288.901	358.564.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Cầu trục Thánh Khởi	980.680.250	980.680.250	980.680.250	980.680.250
Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	586.263.502	586.263.502	586.263.502	586.263.502
Công ty TNHH Democa	417.647.502	417.647.502	-	-
Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại Công nghiệp Hưng Phát	-	-	299.726.435	299.726.435
Đối tượng khác	209.257.855	209.257.855	371.400.484	371.400.484
Cộng	2.193.849.109	2.193.849.109	2.238.070.671	2.238.070.671

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	750.987.430	3.010.560.353	2.980.810.914	780.736.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.506.893.593	3.119.279.075	3.969.401.258	656.771.410
Thuế thu nhập cá nhân	10.667.442	35.855.351	31.865.679	14.657.114
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.228.125.713	1.228.125.713	-
Thuế khác	-	10.001.645	10.001.645	-
Cộng	2.268.548.465	7.403.822.137	8.220.205.209	1.452.165.393
b) Phải thu				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	152.525	-	-	152.525
Thuế xuất nhập khẩu	17.771.857	-	-	17.771.857
Thuế thu nhập cá nhân	67.044.765	328.035.720	339.012.285	78.021.330
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.412.450	159.653.117	153.265.517	2.024.850
Cộng	93.381.597	487.688.837	492.277.802	97.970.562

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	947.151.763	964.817.848
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phước An	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	747.151.763	764.817.848
b) Phải trả dài hạn khác	181.735.700	172.423.700
Nhận ký quỹ, ký cược	181.735.700	172.423.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	17.649.118.444	45.507.821.002	93.156.939.446
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.372.353.856	12.372.353.856
Trích lập các quỹ	-	1.309.571.496	(2.619.142.992)	(1.309.571.496)
Chia cổ tức	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2022	-	-	(29.844.135)	(29.844.135)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2023(i)	-	-	(552.000.000)	(552.000.000)
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	18.958.689.940	50.179.187.731	99.137.877.671
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.015.746.742	12.015.746.742
Trích lập các quỹ (i)	-	1.237.235.386	(2.474.470.772)	(1.237.235.386)
Chia cổ tức (i)	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2023 (i)	-	-	(23.005.705)	(23.005.705)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2024 (ii)	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Giảm khác	-	-	(3.629.336)	(3.629.336)
Số dư cuối năm	30.000.000.000	20.195.925.326	54.593.828.660	104.789.753.986

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 86/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024. Trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng: 618.617.693 VND
- Trích lập quỹ phúc lợi: 618.617.693 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.237.235.386 VND
- Chia cổ tức tỷ lệ 15%: 4.500.000.000 VND
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (không kiêm nhiệm): 552.000.000 VND
- Thường cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành: 23.005.705 VND

(ii) Công ty tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 86/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 với số tiền là 600.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã chi trả 2.139.949.500 VND cổ tức cho Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và 2.347.872.450 VND cho các cổ đông khác.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	14.266.330.000	47,55%	14.892.300.000	49,64%
Các cổ đông khác	15.733.670.000	52,45%	15.107.700.000	50,36%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	4.106,45	4.458,61

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các hoạt động chính sau:

- Hoạt động bán hàng.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ.

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau:

Năm nay	Hoạt động	Hoạt động	Tổng
	bán hàng	cung cấp dịch vụ	
	VND	VND	VND
Doanh thu	14.509.065.945	37.726.779.849	52.235.845.794
	14.509.065.945	37.726.779.849	52.235.845.794
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	27.612.821	26.746.373.997	26.773.986.818
Chi phí không phân bổ			(12.257.193.429)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			14.516.793.389
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			429.737.544
Chi phí từ hoạt động tài chính			(263.302.284)
Lãi khác			451.797.168
Lợi nhuận trước thuế			15.135.025.817
Thuế TNDN hiện hành			3.119.279.075
Lợi nhuận sau thuế			12.015.746.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau (Tiếp theo):

Năm trước	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu	20.804.604.314	36.826.372.996	57.630.977.310
	20.804.604.314	36.826.372.996	57.630.977.310
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	72.400.377	26.016.286.233	26.088.686.610
Chi phí không phân bổ			(10.827.975.616)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			15.260.710.994
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			193.433.143
Chi phí từ hoạt động tài chính			(364.949.609)
Lãi/(Lỗ) khác			590.052.921
Lợi nhuận trước thuế			15.679.247.449
Thuế TNDN hiện hành			3.306.893.593
Lợi nhuận sau thuế			12.372.353.856

b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.509.065.945	20.804.604.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.726.779.849	36.826.372.996
Cộng	52.235.845.794	57.630.977.310

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	14.481.453.124	20.732.203.937
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.980.405.852	10.810.086.763
Cộng	25.461.858.976	31.542.290.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	429.737.544	193.433.143
Cộng	<u>429.737.544</u>	<u>193.433.143</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.530.137	364.949.609
Dự phòng tổn thất đầu tư	250.772.147	-
Cộng	<u>263.302.284</u>	<u>364.949.609</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm	<u>11.978.711.949</u>	<u>10.522.895.456</u>
Chi phí nhân công	8.585.456.019	7.072.364.881
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	60.552.777	72.364.594
Chi phí khấu hao	407.792.000	410.169.920
Chi phí thuế, phí lệ phí	77.208.527	141.507.551
Chi phí mua ngoài	414.499.088	367.211.781
Chi phí khác bằng tiền	2.433.203.538	2.459.276.729
b) Chi phí bán hàng trong năm	<u>278.481.480</u>	<u>305.080.160</u>
Chi phí nhân công	278.481.480	305.080.160

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.863.937.499	7.377.445.041
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	60.552.777	72.364.594
Chi phí khấu hao	2.164.966.870	2.232.264.352
Chi phí dự phòng	77.208.527	141.507.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.797.951.758	5.461.909.853
Chi phí khác bằng tiền	7.272.981.850	6.352.570.988
Cộng	<u>23.237.599.281</u>	<u>21.638.062.379</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	665.369.793	645.239.200
Thu nhập khác	4.931	663.081.181
Cộng	<u>665.374.724</u>	<u>1.308.320.381</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí phạt hành chính, phạt thuế	213.577.556	584.000.000
Chi phí khác	-	134.267.460
Cộng	<u>213.577.556</u>	<u>718.267.460</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.135.025.817	15.679.247.449
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	461.369.556	855.220.518
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>461.369.556</i>	<i>855.220.518</i>
Chi phí không được trừ	461.369.556	855.220.518
Thu nhập chịu thuế	15.596.395.373	16.534.467.967
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>3.119.279.075</u>	<u>3.306.893.593</u>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế trong năm sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 461.369.556 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.015.746.742	12.372.353.856
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.309.571.496)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách (i)	(600.000.000)	(552.000.000)
Thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	-	(23.005.705)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.412.117.406	10.487.776.655
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.804	3.496

Ghi chú:

- (i) Công ty trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 86/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 với số tiền là 576.000.000 VND.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024, do đó chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 86/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 3.940 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch bên liên quan phát sinh trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng	-	4.936.849.878
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	-	4.936.849.878
Thu tiền bán hàng	3.258.056.124	2.761.287.495
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	1.300.000.000	2.461.287.495
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	1.658.056.124	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Lê Văn An	Chủ tịch HĐQT	296.808.000	276.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	158.808.000	138.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên HĐQT	816.540.000	526.140.000
	Tổng Giám đốc		
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	158.808.000	138.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	158.808.000	138.000.000
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc	454.440.000	324.050.000
Bà Ngô Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	407.879.205	281.480.000
Bà Trần Thu Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	150.000.000	138.000.000
Ông Lê Văn Bảy	Thành viên Ban kiểm soát	81.000.000	69.000.000
Bà Vũ Thúy An	Thành viên Ban kiểm soát	282.444.000	69.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phân vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2024, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	2.439.200.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.702.183.398	6.563.538.291
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	104.794.553.986	99.137.877.671
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.702.183.398	6.563.538.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.293.006.018	87.752.996.608
Đầu tư tài chính	15.709.647.853	5.760.420.000
Cộng	105.704.837.269	100.076.954.899
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	2.439.200.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.322.736.572	3.375.312.219
Chi phí phải trả	-	34.810.360
Cộng	3.322.736.572	5.849.322.579

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.702.183.398	-	4.702.183.398
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.293.006.018	-	85.293.006.018
Đầu tư tài chính	13.500.420.000	2.209.227.853	15.709.647.853
Cộng	103.495.609.416	2.209.227.853	105.704.837.269
Số cuối năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.141.000.872	181.735.700	3.322.736.572
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	3.141.000.872	181.735.700	3.322.736.572
Chênh lệch thanh khoản thuần	100.354.608.544	2.027.492.153	102.382.100.697
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.563.538.291	-	6.563.538.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.752.996.608	-	87.752.996.608
Đầu tư tài chính	420.000	760.000.000	760.420.000
Cộng	94.316.954.899	760.000.000	95.076.954.899
Số đầu năm			
Các khoản vay	609.800.000	1.829.400.000	2.439.200.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.202.888.519	172.423.700	3.375.312.219
Chi phí phải trả	34.810.360	-	34.810.360
Cộng	3.847.498.879	2.001.823.700	5.849.322.579
Chênh lệch thanh khoản thuần	90.469.456.020	(1.241.823.700)	89.227.632.320

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 129.006.000 VND, là số tiền dùng để ứng trước cho người bán theo hợp đồng mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng (giảm) phải trả cho người bán.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 113.075.342 VND là khoản lãi dự thu năm 2024. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 15.063.675 VND là cổ tức năm 2024 chưa chi trả và bao gồm 2.885.625 cổ tức năm trước đã chi trả trong năm 2024. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 617/QĐ-XDCB ngày 10 tháng 12 năm 1977 của Ủy ban Nhân dân Hà Sơn Bình về việc cho phép Công ty được sử dụng 4ha đất đồi dứa của nông trường Xuân Mai (nay thuộc thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội) để xây dựng kho, khung sắt chứa các thiết bị cơ khí và công cụ nông nghiệp. Diện tích đất này chưa được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ký quyết định giao đất, ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty cũng chưa làm thủ tục chuyển sang đất thuê nhưng đã cho các đơn vị thuê lại một phần diện tích trên để kinh doanh, làm xưởng sản xuất,...

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ra Quyết định số 29/QĐ-XPHC phạt Công ty về việc vi phạm hành chính do cho thuê đất khi không đủ điều kiện với diện tích đất này với thời gian vi phạm từ ngày 26 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Công ty chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng (nếu có) có thể phát sinh từ việc vẫn tiếp tục hợp tác kinh doanh với các đơn vị trên diện tích đất này khi chưa hoàn thiện các thủ tục nêu trên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội đã có kết luận về khiếu nại giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Phước An (đơn vị đã từng thuê một phần diện tích đất này - Hợp đồng thuê đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022) liên quan đến hoạt động thuê và cho thuê đối với phần diện tích tại khu nông trường Xuân Mai (nay thuộc thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội) như sau:

- Tuyên bố Hợp đồng thuê kho bãi - nhà xưởng số 02/2011/HĐKT ngày 26/10/2011 và hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi số 02/2016/HĐ-XN ngày 30/11/2016 vô hiệu.
- Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xây dựng Phước An phải bàn giao trả lại cho Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng cơ điện 6000 m² đất tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. (diện tích đất trên được thể hiện tại các Hợp đồng thuê thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội).
- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cơ điện về việc buộc Công ty Phước An phải thanh toán tiền thuê kho bãi nhà xưởng còn thiếu làm tròn là 172.000.000 VND.

Hiện tại, hai bên đang chờ cơ quan thi hành án thực hiện bản án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 112/2025/BBH-HĐQT ngày 08/5/2025 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 113/2025/NQ-HĐQT ngày 08/5/2025 (đã được công bố trên Website của Công ty), Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần mua: 5.100.000 cổ phần (tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê),
- Mệnh giá mua: 10.000 đồng/Cổ phiếu,
- Phương thức mua: Thỏa thuận trực tiếp với cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê,
- Nguồn Thanh toán: Thỏa thuận với bên bán bù trừ 100% giá trị đầu tư với các khoản công nợ mà Công ty còn phải thu của khách hàng là các bên liên quan như sau: Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha với số tiền là 16.104.933.820 VND, Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm với số tiền là 10.797.817.840 VND, Công ty Cổ phần Xây dựng MCG với số tiền là 10.608.805.677 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện MECO với số tiền là 13.488.442.663 VND.

Tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê thể hiện lỗ Lũy kế khoảng 15 tỷ VND.

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Công ty sẽ thực hiện giao dịch này. Theo Tờ trình, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.



Nguyễn Ngọc Nam
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Ngô Thị Lan Hương
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương
Người lập biểu